TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **266**/2018/DS-ST
Ngày: 29/8/2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sượn**

2. Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 312/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ C** – sinh năm 1979 (***Tên thường gọi T***).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **PHAN THỊ H** - sinh năm 1955.

Địa chỉ: số 170/11 Lê Lợi, Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **NGUYỄN THỊ HỒNG N** (***NGUYỄN THỊ HỒNG U***) – sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 129 Ô 2, khu II, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H có mặt; chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị C là bà Phan Thị H trình bày:

Do quen biết nên chị Nguyễn Thị C có cho chị Nguyễn Thị Hồng N vay tiền để xoay vốn làm ăn, cụ thể như sau:

Ngày 13/4/2017 chị C cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng, thời hạn vay 30 ngày, hai bên có lập biên nhận do chị N ký tên và lăn tay. Đến ngày 13/5/2017 là đến hạn trả nợ nhưng chị N không thực hiện như thỏa thuận, chưa trả cho chị C được khoản tiền vốn lãi nào.

Ngày 16/4/2017 chị C cho chị N vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, hai bên có lập biên nhận do chị N ký tên và lăn tay. Đến ngày 16/10/2017 là đến hạn trả nợ nhưng chị N không thực hiện như thỏa thuận, chưa trả cho chị C được khoản tiền vốn lãi nào.

Hiện chị N còn nợ chị C số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng. Chị C đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng chị N chỉ hứa hẹn mà không trả tiền. Nay chị C khởi kiện yêu cầu chị N trả cho chị C số tiền 550.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm như sau: Đối với khoản nợ 50.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 13/5/2017 đến khi xét xử (tạm tính đến tháng 4/2018, tính tròn là 11 tháng): 11 tháng x(50.000.000x 10%)/12tháng= 4.583.000 đồng; đối với khoản nợ 500.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 16/10/2017 đến khi xét xử (tạm tính đến tháng 4/2018, tính tròn là 6 tháng): 6 tháng x(500.000.000x 10%)/12tháng= 25.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 579.583.000 đồng. Trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho chị N nhưng chị N không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1] Xét bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị N.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị C có cho chị Nguyễn Thị Hồng N vay số tiền 550.000.000 đồng làm hai lần, ngày 13/4/2017 vay 50.000.000 đồng và ngày 16/4/2017 vay 500.000.000 đồng, hai khoản vay đều thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, chị N có viết biên nhận nợ cho chị C số tiền 550.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị C có cung cấp cho Tòa án hai biên nhận nợ ngày 13/4/2017 và ngày 16/4/2017 do chị Nguyên ký tên và lăn tay, do đó có đủ cơ sở xác định giữa chị C và chị N đã xác lập một hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Theo thỏa thuận trong biên nhận ngày 13/4/2017 thì chị N hẹn 30 ngày sẽ trả tiền tức đến ngày 13/5/2017 đến hạn trả nợ và biên nhận ngày 16/4/2017 thỏa thuận miệng 06 tháng sẽ trả tiền tức đến ngày 16/10/2017 đến hạn trả nợ nhưng cho đến nay chị N không trả tiền cho chị C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Phía chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy chị N đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, buộc chị N có trách nhiệm trả cho chị C số tiền 550.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: Chị C yêu cầu chị N trả lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 13/5/2017 đối với khoản tiền 50.000.000 đồng và từ ngày 16/10/2017 đối với khoản tiền 500.000.000 đồng cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án là ngày 29/8/2018. Xét yêu cầu của chị C là có cơ sở vì căn cứ theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/năm và không thỏa thuận không vượt quá 10%/năm, thì tiền lãi được tính như sau như sau: số tiền 50.000.000 đồng x 10%/năm x 15 tháng 16 ngày = 6.462.000 đồng; số tiền 500.000.000 đồng x 10%/năm x 10 tháng 13 ngày = 43.465.000 đồng, tổng cộng tiền lãi là 49.927.000 đồng. Như vậy, tiền vốn và lãi chị N phải trả cho chị C là 599.927.000 đồng.

Về thời gian trả: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng N trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở vì chị N đã nợ chị C số tiền trên quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị C, nên Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Hồng N trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 599.927.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị C được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 599.927.000 đồng *(Năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng),* thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Hồng N không trả số tiền trên thì hàng tháng chị N phải trả lãi tương ứng

với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 27.997.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị C số tiền 14.320.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0014588 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án . Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản ánđược thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân